

Tên:

Nghe:

Lớp: S2...

Ngày làm bài: Thứ..., ngày.../....



GLOBAL ENGLISH 2

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

❖ CLASSWORK: Extra vocabulary for STARTERS – PART 3

No	Word	Meaning	No	Word	Meaning
1	crocodile (n)	con cá sấu	3	shell (n)	vỏ sò, vỏ ốc
2	armchair (n)	ghế bành			

❖ HOMEWORK: Extra vocabulary for STARTERS – PART 3

No	Word	Meaning	No	Word	Meaning
1	spider (n)	con nhện	3	helicopter (n)	máy bay trực thăng
2	bookcase (n)	giá sách	4	truck (n)	xe tải

**Note: n = noun: danh từ.*

**Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 DÒNG vào vở ghi.*

❖ Listening

Con làm bài nghe với link hoặc code sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/s2_w18_for

Part 3 - 5 questions

Listen and tick (✓) the box. There is one example.



What's Mum cleaning?



A ☐



B ☒

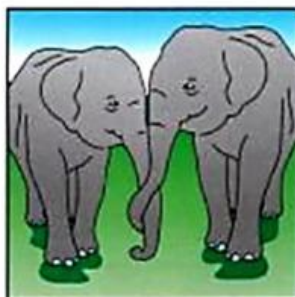


C ☐

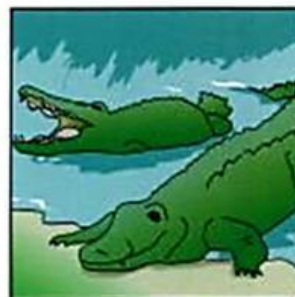
1. What are Anna's favourite animals in the zoo?



A ☐

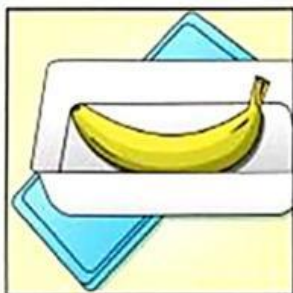


B ☐

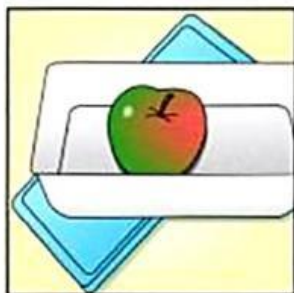


C ☐

2. What's in Bill's lunch box?



A ☐



B ☐



C ☐

3. Which sport does Tony play at school?



A ☐



B ☐



C ☐

4. Where's Grandpa?



A ☐



B ☐



C ☐

5. What would Nick like to do?



A ☐



B ☐



C ☐

Tên:

Từ vựng & Ngữ pháp:

Lớp: S2...

Nghe:

Ngày giao bài: Thứ..., ngày.../....

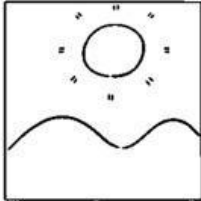
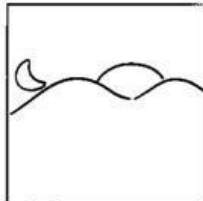
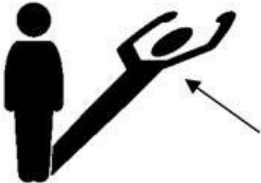
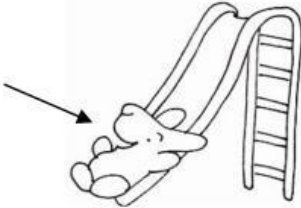
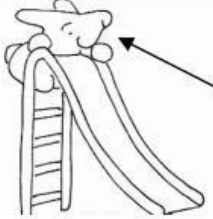
Ngày nộp bài: Thứ..., ngày.../....



Unit 4: Vocabulary Revision & Starters Listening

A. VOCABULARY REVISION

❖ Others (Khác)

 in the morning (phr) vào buổi sáng	 at midday (phr) vào buổi trưa	 in the evening (phr) vào buổi tối
 shadow (n) bóng râm, hình bóng	 low (adj) thấp	 high (adj) cao
 long (adj) dài	 short (adj) ngắn, thấp	

*Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; phr = phrase: cụm từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 ĐỒNG** vào vở ghi.

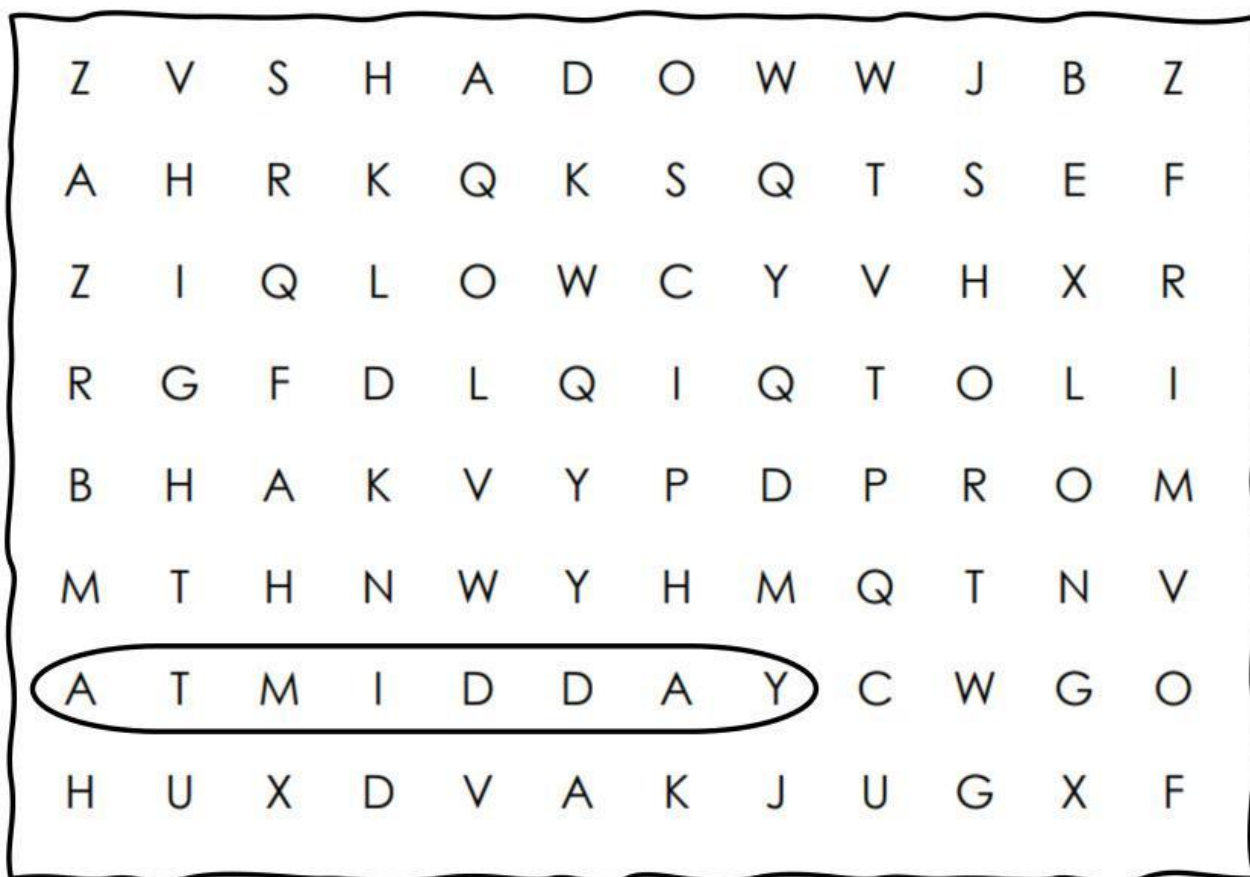
B. HOMEWORK (15 questions)

Exercise 1. Trace the given words. (Ôn theo các từ đã cho.)

in the morning at midday
in the morning at midday
in the evening shadow low

in the evening shadow low
high long short
high long short

Exercise 2. Look and find the given words. (Nhìn và tìm các từ đã cho.)



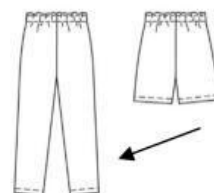
0. at midday



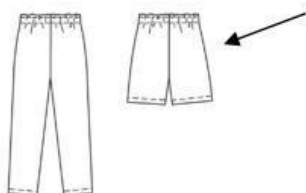
1. shadow



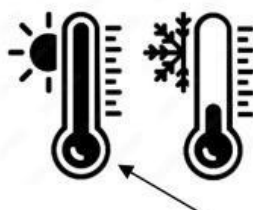
2. long



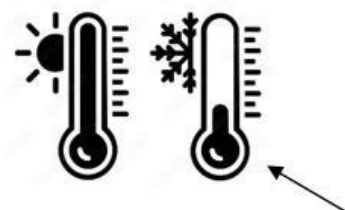
3. short



4. high



5. low

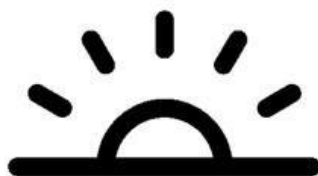


Exercise 3. Look and write the words. (Nhìn và viết các từ.)

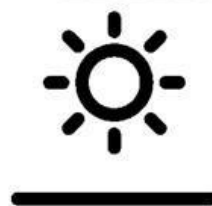
0. s h a d o w



1. in the _____



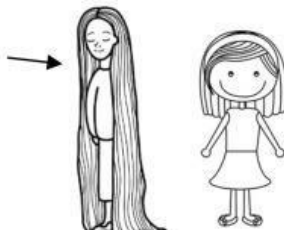
2. at _____



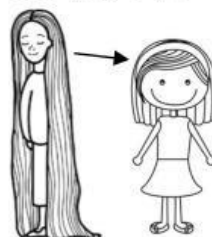
3. in the _____



4. _____



5. _____



Exercise 4. Circle the correct answers. (Khoanh tròn vào đáp án đúng.)

0.		Yesterday, I at home. a. were b. was
1.		Yesterday, she happy. a. were b. was
2.		Last month, they in the park. a. were b. was
3.		Last week, he football. a. played b. play
4.		Yesterday, we to music. a. listened b. listens
5.		Last night, she English. a. learn b. learned

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con làm bài nghe với link hoặc code sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/s2_w18_for_homework

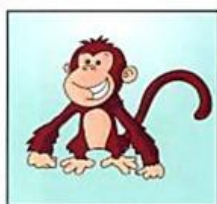
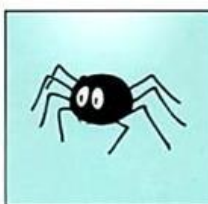
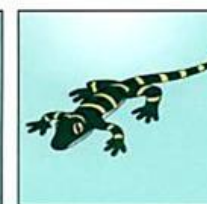
Part 3 - 5 questions

Listen and tick (✓) the box. There is one example.

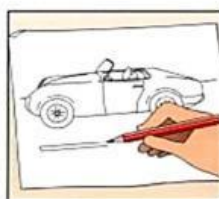
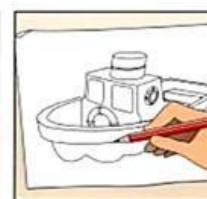
What's May drinking?

A ☐B ☒C ☐

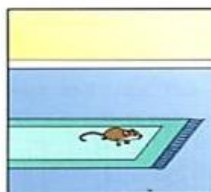
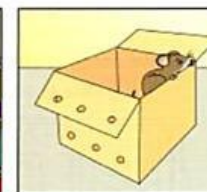
1. What is Ben's favourite animal?

A ☐B ☐C ☐

2. What is Anna drawing?

A ☐B ☐C ☐

3. Where's Nick's mouse?

A ☐B ☐C ☐

4. What's Grandfather doing now?

A ☐B ☐C ☐

5. Which is Sam's picture?

A ☐B ☐C ☐